Thứ Hai, Ngày 5 Tháng 5 Năm 2025

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

**Xu hướng thị trường:**

### *Hệ thống KRX – Ngày 1*

▶ Trong phiên giao dịch ngày thứ Hai, thị trường ghi nhận mức tăng khá tốt sau khi hệ thống KRX đi vào hoạt động ngày đầu tiên. Đây là sự kiện được nhà đầu tư mong đợi từ lâu, hứa hẹn nâng cao năng lực xử lý giao dịch, tăng tính minh bạch và an toàn cho thị trường. Tuy hệ thống mới đi vào vận hành, thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức thấp.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 13.75 điểm (+1.12%), đạt 1,240.05 điểm; HNX-Index tăng 0.87 điểm (+0.41%), đạt 212.81 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 14.4 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 605.7 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại mua ròng 125.54 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở VRE, DPM, DIG.

▶ VHM (+4.28%), VIC (+2.94%), GVR (+4.85%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. VCB (-0.35%), VNM (-1.22%), LPB (-1.23%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Vận tải, Bất động sản, và Nguyên vật liệu là đóng góp lớn nhất vào đà tăng của thị trường trong phiên hôm nay. Các mã tiêu biểu: HVN, VIC, VHM, HPG.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Thị trường ghi nhận một phiên phục hồi và tiếp tục đi ngang quanh vùng 1200 – 1240. Thanh khoản đi ngang ở mức thấp cho thấy trạng thái của thị trường không có quá nhiều sự biến động. Trong kịch bản tích cực, VN-Index cần có một phiên ghi nhận dòng tiền tốt để vượt vùng sideway 1200 -1240. Vùng hỗ trợ ngắn hạn của chỉ số là 1,170 – 1,180 và vùng kháng cự gần nhất là 1,270.




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,240 | 1.1 | 2.4 | 1.6 | 12.3 | 1.5 | 5,130,696 |
| VN30 Index | 1,320 | 0.8 | 3.1 | 5.2 | 9.9 | 1.5 | 3,549,409 |
| VN Midcap | 1,792 | 2.1 | 2.8 | -1.7 | 13.9 | 1.3 | 903,962 |
| VN Smallcap | 1,363 | 1.3 | 3.5 | -2.2 | 19.1 | 0.9 | 247,982 |
| HNX Index | 213 | 0.4 | -1.9 | -6.8 | 20.6 | 1.1 | 294,694 |
| UpCom | 92 | 0.0 | 1.4 | 2.9 | 13.4 | 1.8 | 1,372,313 |

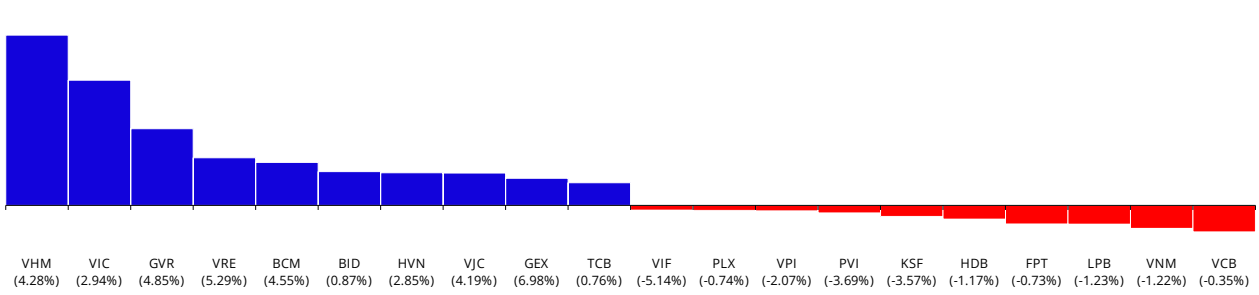
**Nhóm ngành**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | 0.9 | 16.3 | -2.0 | 1.1 | 26.3 | 3.4 | 127,455 |
| Bảo hiểm | 0.3 | 2.6 | -8.1 | 13.0 | 14.2 | 1.5 | 47,003 |
| Bất động sản | 3.8 | 12.7 | 26.7 | 20.1 | 17.4 | 1.4 | 866,599 |
| CNTT | -0.5 | -3.8 | -28.0 | -0.4 | 20.3 | 4.3 | 174,568 |
| Dầu khí | -0.4 | -6.2 | -14.5 | -15.6 | 18.2 | 2.0 | 52,567 |
| Dịch vụ tài chính | 1.3 | -3.1 | -3.6 | -2.1 | 17.6 | 1.4 | 186,038 |
| Tiện ích | 1.2 | 2.3 | -7.4 | -8.9 | 17.8 | 1.8 | 268,110 |
| Du lịch và Giải trí | 3.2 | 9.2 | -0.4 | 17.5 | 13.1 | 10.0 | 129,540 |
| Hàng & DV CN | 2.9 | 9.9 | 3.7 | 5.6 | 13.6 | 1.6 | 151,160 |
| Hàng CN & Gia dụng | -0.5 | -3.1 | -24.0 | -20.5 | 11.1 | 1.4 | 46,979 |
| Hóa chất | 4.5 | -2.2 | -15.4 | -12.4 | 17.9 | 1.7 | 195,840 |
| Ngân hàng | 0.2 | -1.2 | -2.4 | 3.3 | 8.5 | 1.4 | 2,071,742 |
| Ô tô và phụ tùng | 1.1 | 0.0 | -3.3 | -9.6 | 18.1 | 1.1 | 14,112 |
| Tài nguyên Cơ bản | 1.3 | 3.3 | -7.3 | -5.0 | 15.5 | 1.3 | 205,583 |
| Th.phẩm & Đồ uống | -0.2 | 4.4 | -6.8 | -5.1 | 18.6 | 2.4 | 404,744 |
| Truyền thông | 0.3 | -0.4 | -9.0 | 63.7 | 17.3 | 1.4 | 2,678 |
| Xây dựng và Vật liệu | 4.0 | 5.7 | 1.1 | 1.9 | 16.8 | 1.4 | 128,986 |
| Y tế | 1.3 | 6.3 | -7.3 | 2.5 | 17.3 | 2.0 | 37,546 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 100 | -0.2 | 0.8 | -3.1 | -7.2 | -8.0 | -5.0 |
| USD/JPY | 144 | -0.7 | 1.4 | -2.6 | -5.7 | -8.4 | -6.5 |
| USD/CNY | 7 | 0.0 | -0.2 | 0.2 | 0.4 | -0.4 | 0.4 |
| KRW/USD | 1,401 | -1.6 | -2.7 | -4.2 | -4.2 | -4.8 | 1.8 |
| EUR/USD | 1 | -0.3 | 0.8 | -3.7 | -8.2 | -8.6 | -5.0 |
| USD/VND | 25,957 | 0.0 | -0.2 | 0.6 | 3.1 | 1.9 | 2.3 |
| Dầu Thô | 57 | -2.1 | -8.0 | -7.9 | -19.6 | -20.4 | -26.9 |
| Xăng | 237 | 17.4 | 12.6 | 15.4 | 15.6 | 18.4 | -7.2 |
| Khí đốt | 4 | 1.7 | 16.4 | -3.8 | 9.9 | 1.6 | 72.3 |
| Than | 98 | 0.5 | 4.5 | -3.0 | -15.2 | -21.8 | -33.7 |
| Vàng | 3,280 | 1.2 | -1.9 | 9.9 | 14.4 | 25.0 | 41.1 |
| Thép cuộn | 3,297 | -0.4 | 0.2 | -2.6 | -4.5 | -5.0 | -13.6 |

**Đóng góp vào VN Index**





**[Analyst ]**
**Phuc Nguyen**
☎ (84-28) 6299 - 8025
✉ phuc.nlh@shinhan.com

**[Analyst ]**
**Ngoc Le**
☎ (84-28) 6299 - 8017
✉ ngoc.lh@shinhan.com


Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

# Điểm tin thị trường

## Tin tức nổi bật

**1. PET – Bán lẻ:** Trong ba tháng đầu năm, Petrosetco ghi nhận doanh thu đạt 4,016.73 tỷ đồng, giảm 5.9% so với cùng kỳ năm 2024; lợi nhuận sau thuế 44.72 tỷ đồng, tăng 13.6% so với cùng kỳ.

**2. DXS – Bất động sản:** Đất Xanh Services muốn nhận chuyển nhượng gần 2.3 triệu cổ phần, tương đương 55.23% vốn điều lệ của Đất Xanh Miền Tây từ Cara Group, thời gian dự kiến thực hiện trong quý II/2025.

**3. VPB – Ngân hàng:** Moody's giữ nguyên các mức xếp hạng tín nhiệm then chốt đối với cả hai tổ chức VPBank và FE CREDIT, đồng thời nâng triển vọng của FE CREDIT lên "Ổn định".

**4. TPB – Ngân hàng:** Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank - HoSE: TPB) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2025 với lãi trước thuế đạt gần 2,109 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1,687 tỷ đồng, đồng loạt tăng 15% so với cùng kỳ năm trước.

**5. HDG – Bất động sản:** Quý I/2025, Hà Đô lãi sau thuế 206.9 tỷ đồng, giảm 21.6% do chi phí tăng mạnh dù giá vốn giảm sâu. Doanh thu chỉ đạt 598 tỷ, giảm gần 30% so với cùng kỳ.

**6. BSR – Dầu khí:** BSR ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong quý I/2025 với doanh thu gần 32,000 tỷ đồng, khẳng định năng lực quản trị và khả năng thích ứng với biến động thị trường.

**7. SHI – Nguyên vật liệu**: Công ty CP Quốc tế Sơn Hà (mã Ck: SHI) vừa công bố kết quả kinh doanh quý I/2025 với doanh thu thuần đạt gần 1,900 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 21.7 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ.

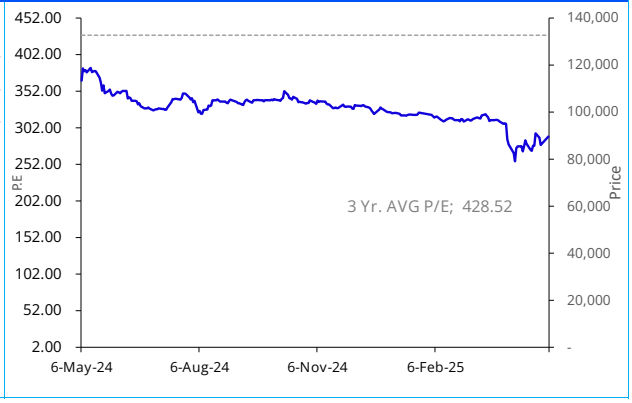
**8. VPH – Bất động sản:** VPH đã công bố báo cáo tài chính quý I/2025 với kết quả không mấy khả quan: doanh thu thuần đạt 9.16 tỷ đồng (tăng 35.9%) nhưng lợi nhuận sau thuế âm 9.2 tỷ đồng, chỉ cải thiện nhẹ so với khoản lỗ 14.77 tỷ đồng cùng kỳ.

**9. PVT – Dầu khí:** PVTrans dự kiến phát hành hơn 113.9 triệu cổ phiếu để trả cổ tức, tương ứng tỷ lệ 32%, nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm 2024.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

**CTCP Hàng không Vietjet – VJC**

**VJC – Hàng không:** Với định hướng mở rộng mạng bay quốc tế và nâng cao hiệu quả hoạt động, quý I/2025, Vietjet đạt lợi nhuận hợp nhất tăng 24% so với cùng kỳ, tiếp tục vai trò tiên phong trong kết nối hàng không và thúc đẩy hội nhập quốc tế.






Shinhan Securities

# Xu hướng dòng tiền

**Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)**

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 5/4/2025 | 5/5/2025 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 89.6 | 134 | 385 | 203 | |
| 2 | Hóa chất | 66.7 | 381 | 888 | 533 | |
| 3 | Công nghệ Thông tin | 28.1 | 345 | 808 | 631 | |
| 4 | Y tế | 19.6 | 42 | 47 | 39 | |
| 5 | Dầu khí | 12.1 | 154 | 234 | 209 | |
| 6 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 10.3 | 1,130 | 1,253 | 1,136 | |
| 7 | Du lịch và Giải trí | 3.9 | 133 | 152 | 147 | |
| 8 | Tài nguyên Cơ bản | -0.2 | 524 | 622 | 623 | |
| 9 | Xây dựng và Vật liệu | -0.4 | 603 | 791 | 794 | |
| 10 | Dịch vụ tài chính | -6.1 | 1,238 | 1,469 | 1,565 | |
| 11 | Bán lẻ | -20.3 | 445 | 445 | 558 | |
| 12 | Bất động sản | -21.7 | 2,905 | 2,330 | 2,977 | |
| 13 | Thực phẩm và đồ uống | -22.2 | 1,072 | 961 | 1,235 | |
| 14 | Ô tô và phụ tùng | -22.2 | 73 | 63 | 81 | |
| 15 | Hàng cá nhân & Gia dụng | -23.8 | 105 | 110 | 144 | |
| 16 | Ngân hàng | -25.2 | 2,945 | 2,758 | 3,688 | |
| 17 | Bảo hiểm | -32.3 | 23 | 24 | 35 | |

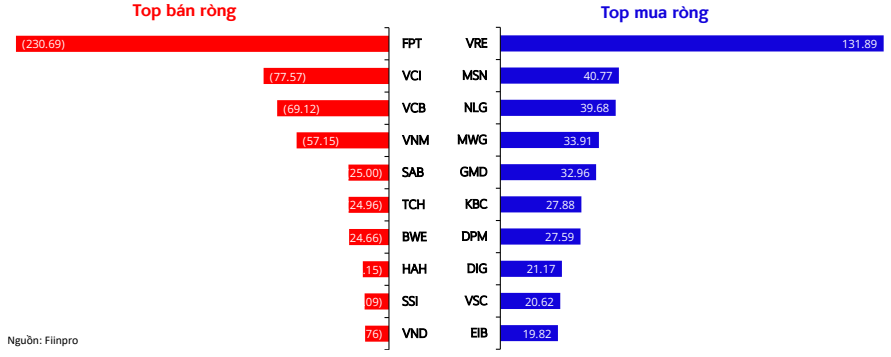
**Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần**

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (VND tỷ) | Xu hướng |
| VRE | Vincom Retail | Bất động sản | 24,900 | 5.3 | 13.4 | 45.2 | 86 | 336.4 | |
| HVN | Vietnam Airlines | Du lịch và Giải trí | 32,500 | 2.8 | 3.5 | 13.4 | 55 | 75.9 | |
| DPG | Tập đoàn Đạt Phương | Xây dựng và Vật liệu | 51,800 | 1.0 | 2.4 | 12.6 | (22) | 23.7 | |
| HDB | HDBank | Ngân hàng | 21,200 | -1.2 | 4.2 | -16.9 | (11) | 166.0 | |
| TCB | Techcombank | Ngân hàng | 26,500 | 0.8 | 1.5 | 7.5 | (11) | 238.3 | |
| DBC | Tập đoàn DABACO | Thực phẩm và đồ uống | 28,100 | 2.4 | -0.2 | 1.3 | (18) | 148.4 | |
| NVL | Novaland | Bất động sản | 11,450 | 0.4 | 6.0 | 11.7 | (26) | 114.8 | |
| ACB | ACB | Ngân hàng | 24,050 | 0.0 | -2.2 | -6.8 | (30) | 111.4 | |
| LPB | LienVietPostBank | Ngân hàng | 32,150 | -1.2 | -3.5 | 2.9 | (57) | 48.1 | |
| VIB | VIBBank | Ngân hàng | 17,550 | 1.2 | -0.6 | -7.4 | (57) | 52.9 | |
| PDR | BĐS Phát Đạt | Bất động sản | 15,650 | 1.6 | 0.3 | -24.4 | (48) | 79.1 | |
| VIC | VinGroup | Bất động sản | 70,000 | 2.9 | 19.5 | 72.6 | (21) | 309.4 | |
| HCM | Chứng khoán HSC | Dịch vụ tài chính | 25,350 | 0.8 | 2.0 | -12.3 | (35) | 167.1 | |
| SHB | SHB | Ngân hàng | 12,700 | 0.8 | -2.3 | 37.5 | (22) | 748.6 | |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 60,900 | 4.3 | 4.1 | 52.3 | (43) | 365.3 | |

**Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần**

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| DPG | Tập đoàn Đạt Phương | Xây dựng và Vật liệu | 51,800.0 | 1.0 | 2.4 | 12.6 | 4.3 | 50.90 | |
| HVN | Vietnam Airlines | Du lịch và Giải trí | 32,500.0 | 2.8 | 3.5 | 13.4 | 4.9 | 29.95 | |
| HVH | Đầu tư và Công nghệ HVC | Xây dựng và Vật liệu | 13,500.0 | -2.2 | -5.3 | 38.7 | 8.4 | 10.20 | |
| TTA | XD và PT Trường Thành | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 10,400.0 | 2.5 | 7.1 | -16.8 | 1.0 | 12.90 | |
| TLD | ĐT XD và PT Đô thị Thăng Long | Bất động sản | 6,200.0 | 1.0 | 1.6 | 4.6 | -0.9 | 6.16 | |
| PDR | BĐS Phát Đạt | Bất động sản | 15,650.0 | 1.6 | 0.3 | -24.4 | -1.9 | 20.00 | |
| VIB | VIBBank | Ngân hàng | 17,550.0 | 1.2 | -0.6 | -10.9 | -2.1 | 19.95 | |
| LPB | LienVietPostBank | Ngân hàng | 32,150.0 | -1.2 | -3.5 | 2.9 | -2.8 | 34.15 | |
| DBD | Dược - TB Y tế Bình Định | Y tế | 50,400.0 | 1.8 | 5.2 | -12.5 | -3.3 | 55.80 | |
| IMP | IMEXPHARM | Y tế | 43,500.0 | 1.2 | 1.4 | -7.4 | -4.4 | 48.00 | |

**Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)**




Nguồn: Fiinpro

**Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)**

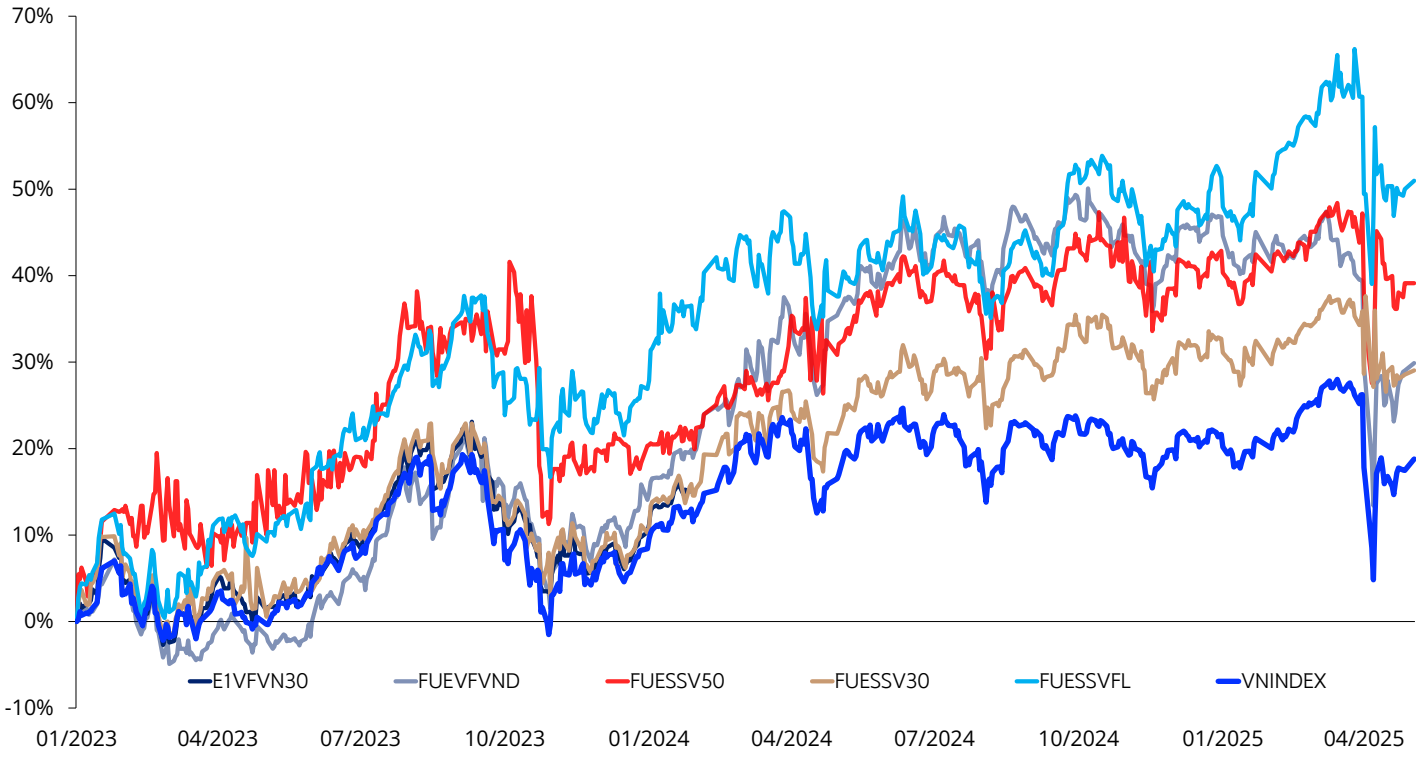
| Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 5/5/2025 | 2,055.2 | 1,925.3 | 130.0 |
| 4/29/2025 | 1,775.9 | 2,029.4 | -253.5 |
| 4/28/2025 | 1,854.1 | 1,855.1 | -1.0 |
| 4/25/2025 | 2,287.5 | 2,880.2 | -592.8 |
| 4/24/2025 | 2,429.7 | 1,851.1 | 578.6 |
| 4/23/2025 | 2,109.6 | 2,201.5 | -91.8 |
| 4/22/2025 | 3,866.8 | 3,348.4 | 518.4 |
| 4/21/2025 | 1,783.9 | 1,615.0 | 168.9 |
| 4/18/2025 | 2,228.8 | 2,220.0 | 8.8 |
| 4/17/2025 | 2,839.4 | 7,481.0 | -4,641.6 |
| 4/16/2025 | 2,200.4 | 2,476.1 | -275.7 |
| 4/15/2025 | 3,173.1 | 2,959.0 | 214.2 |
| 4/14/2025 | 3,412.7 | 3,525.9 | -113.2 |
| 4/11/2025 | 5,520.4 | 4,540.3 | 980.1 |
| 4/10/2025 | 552.4 | 1,407.8 | -855.4 |
| 4/9/2025 | 4,745.5 | 4,474.3 | 271.2 |

# Chứng chỉ quỹ ETF

**Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFVN30 | 22,820 | -0.3% | 2.2% | -2.8% | 187,700 | 4.3 | |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 19,630 | 0.0% | 3.9% | -2.3% | 4,700 | 0.1 | |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 21,890 | 0.6% | 1.0% | -1.0% | 36,000 | 0.8 | |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFVND | 29,640 | 0.7% | 1.9% | -11.6% | 148,800 | 4.4 | |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 17,340 | 0.8% | 2.0% | -3.2% | 35,600 | 0.6 | |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 16,220 | 0.4% | -6.2% | -2.9% | 4,500 | 0.1 | |
| 7 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 15,840 | 0.3% | 3.1% | -2.7% | 23,500 | 0.4 | |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 9,100 | 2.7% | 7.7% | 7.1% | 2,100 | 0.0 | |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 8,810 | 1.1% | 2.8% | -1.8% | 25,800 | 0.2 | |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 11,180 | 1.5% | -1.1% | -6.8% | 4,700 | 0.1 | |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 12,900 | -0.3% | 0.5% | -1.5% | 40,100 | 0.5 | |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | FUEMAVND | 12,500 | -0.4% | 3.0% | -11.7% | 300 | 0.0 | |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FUEFCV50 | 11,320 | 1.1% | 2.9% | -4.2% | 4,000 | 0.0 | |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | FUEKIVND | 11,100 | n.a | 2.9% | -11.7% | 300 | 0.0 | |
| 15 | Bao Viet Fund VN Diamond | FUEBFVND | n.a | n.a | n.a | n.a | 0 | n.a | |
| 16 | An Binh Fund VN Diamond | FUEABVND | 9,100 | 0.0% | -3.2% | -5.2% | 0 | n.a | |

**Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX**




**Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | DCVFM | 8/14/2014 | VN30TR | 211.4 | (194,857) | (1,001,207) | 5.7 | 16.4 | 1.0 | 1.91 | 1.6 | 10.3 | 60.6 |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | SSIAM | 12/15/2014 | VNX50IX | 4.5 | - | - | 5.3 | 23.8 | 0.8 | 1.81 | 1.6 | 12.2 | 52.3 |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | SSIAM | 2/24/2020 | VNFL | 16.1 | (1,867) | (47,858) | 9.7 | 21.2 | 1.0 | 2.38 | 1.3 | 7.7 | 82.3 |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | DCVFM | 5/12/2020 | VND | 386.5 | (594,437) | (1,127,794) | -4.4 | 19.3 | 0.9 | 2.13 | 1.8 | 11.4 | 80.9 |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | 0.013 | - | - | 4.1 | 16.2 | 0.9 | 1.76 | 1.5 | 10.4 | 46.2 |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | 5.7 | (17,010) | (17,010) | 5.6 | 19.4 | 0.8 | 1.59 | 1.7 | 11.0 | 67.2 |
| 7 | MAFN VN30 ETF | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | 29.4 | 7,849 | 28,701 | 6.5 | 17.9 | 1.0 | 2.19 | 1.4 | 9.0 | 62.8 |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | I.P.A | 7/28/2021 | VN100 | 1.9 | - | - | 26.6 | 52.2 | 0.9 | 1.72 | 1.5 | 11.4 | 47.8 |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | KIM | 1/6/2022 | VN30TR | 69.7 | 33,459 | 79,534 | 7.3 | 20.1 | 0.9 | 1.88 | 1.7 | 10.6 | 58.9 |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | DCVFM | 9/29/2022 | VNMidcap | 11.9 | (11,758) | (23,811) | -1.3 | 20.4 | 0.9 | 1.39 | 1.4 | 14.9 | 38.8 |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | KIM | 11/3/2022 | VNFS | 10.8 | (32,800) | (32,800) | 10.5 | 24.3 | 0.9 | 1.97 | 1.4 | 8.8 | 71.1 |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | MAFM | 3/2/2023 | VND | 10.8 | (18,133) | (26,355) | -4.6 | 21.9 | 1.0 | 2.53 | 1.5 | 9.5 | 81.6 |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FPTF | 5/25/2023 | VNX50 | n.a | - | - | -7.8 | 27.3 | 0.3 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | KIMF | 4/24/2024 | VNX50 | 3.3 | n.a | n.a | -3.1 | n.a | 1.0 | 2.09 | 1.8 | 11.6 | 81.7 |
| 15 | Bao Viet Fund VN Diamond | BVF | 8/11/2023 | VN30 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 16 | An Binh Fund VN Diamond | ABF | 8/16/2024 | VN30 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | 0.6 | n.a | n.a | n.a | n.a |

Nguồn: Bloomberg

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Shinhan Securities